

“BỨC TRANH QUÊ” TRONG THƠ CỦA CÁC NHÀ THƠ NỮ TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (TƯ TRÀO THƠ MỚI: 1932-1935)

Nguyễn Thị Bích Nga
*Khoa Tiếng Việt - Trường ĐHKHXH&NV,
ĐHQG Hà Nội*

Có thể coi Thơ Mới là một hiện tượng văn học lớn của văn học thế kỉ XX. Điều này là có cơ sở, bởi trước đó thơ Việt ta là một thứ thơ nặng về khuôn mẫu, gò bó trong niêm luật chặt chẽ. Thế cho nên thơ trước 1932 là một thứ thơ mang tính quy phạm. Cái tôi trong thơ rất mờ nhạt. Đọc thơ mà chẳng thấy cái cá nhân đâu bởi đó là thứ thơ “không của ai cả”. Trừ hiện tượng độc đáo, đột xuất Hồ Xuân Hương. Đọc thơ trung đại, người ta thấy nhiều phong, hoa, tuyết, nguyệt mà ít thấy con người, tình người, tính người. Do đó, có ý kiến gọi thơ trung đại là thứ thơ siêu ngã, phi ngã là có thể chấp nhận được. Thơ Mới ra đời là một cuộc thay đổi lớn trong văn hóa tinh thần của người Việt Nam vốn ít chịu thay đổi về tư duy văn hóa, một thói quen đã có từ hàng năm nay. Người ta đã thống nhất trong đánh giá về thành tựu của Thơ Mới, nhiều người đã nghiên cứu, tìm ra và khẳng định thi pháp một số nhà thơ tiêu biểu hàng đầu: Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính... Hình như có sự không công bằng trong việc đánh giá này, rõ nhất là rất ít và hiếm các chuyên luận về thơ các nhà thơ nữ trong phong trào Thơ Mới. Trong khi đó công lao của các nhà thơ nữ thật không nhỏ. Trước khi đi vào một phương diện trong thế giới thơ của các nhà thơ nữ, tôi xin phác lại đôi nét lịch sử cái thời mạnh mẽ hình thành cả một tư trào Thơ Mới, đó cũng là một cách để khẳng định vị thế của các nhà thơ nữ.

Diễn đàn nổi bật nhất để thu hút dư luận ủng hộ Thơ Mới chính là một tờ báo phụ nữ, tờ *Phụ nữ tân văn*. Ông Hoài Thanh cũng khẳng

định: “Hồi bấy giờ *Phụ nữ tân văn* đương thời cực thịnh”. Bài thơ “Tình già” cùng bài viết “Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ” của Phan Khôi được in trên báo ngày 10-3-1932, số 122. Phái này rêu có thơ mới và phái đẹp cũng chẳng kém. Người phụ nữ đầu tiên viết thơ mới là Nguyễn Thị Mạnh Mạnh (tức Nguyễn Thị Kiêm) cũng in trên *Phụ nữ tân văn*. Hoài Thanh đã trân trọng ghi công cho nhà thơ nữ này như sau:

“... Hôm 26-7-1933 một nữ sĩ có tài và có gan, cô Nguyễn Thị Kiêm đã lên diễn đàn hội khuyến học Sài Gòn hết sức tán dương thơ mới...”

Nói gót cô Nguyễn Thị Kiêm, còn nhiều diễn giả cũng theo một mục đích: giành lấy phần thắng cho thơ mới...”.

Nhà thơ Anh Thơ cũng khẳng định: “Nhà thơ Nguyễn Thị Mạnh Mạnh là một trong số những người đi tiên phong cho sự lên ngôi và thắng thế của Thơ Mới”.

Tiếp đó là một loạt các nhà thơ nữ: Anh Thơ, Mộng Tuyết, Ngân Giang, Vân Đài, Hằng Phương... đã góp phần làm cho Thơ Mới thành công và phát triển.

Chúng ta tự hào có một đội ngũ các nhà thơ nữ trong phong trào Thơ Mới. Chúng ta càng tự hào là thơ của họ có một bản sắc riêng. Dưới đây tôi xin chứng minh một phương diện trong bản sắc các nhà thơ nữ: **Bức tranh quê**.

Có thể kể ra các *Bức tranh quê*: “Tơ lòng với đẹp” trong tập “Sóng thơ” (1940) của Thu Hồng; “Chiều Xuân”, “Trưa hè”, “Bến đò ngày mưa” trong tập *Bức tranh quê* (1941) của Anh Thơ; “Tiếng đêm” của Vân Đài; “Làng quê” của Hằng Phương... Có một nét chung ở các bài thơ về chủ đề tả cảnh quê là đã gọi ra được cái hồn cốt của làng quê Việt Nam êm đềm mà buồn, đẹp mà có gì đấy hắt hiu. Cũng phải thôi, bởi đây là cảnh quê thông qua cái nhìn của một người dân Việt tha thiết yêu quê hương xứ sở nhưng bất lực trước cảnh đất nước còn đang trong vòng nô lệ. Có lẽ cần một sự lý giải: tại sao các nhà thơ nữ lại lấy “Bức tranh quê” làm đối tượng thẩm mỹ chính, trong khi đó các nhà thơ phái nam lại lấy tình yêu, vũ trụ, thời gian... thậm chí bế tắc, điền

loạn... làm cảm hứng sáng tạo. Theo tôi, có thể ở mấy điểm sau:

Một là các nhà thơ nữ không thể mạnh bạo viết về tình yêu đắm say, cuồng nhiệt, vội vàng và có khi đầy sắc dục như các nhà thơ nam. Họ cũng không thể viết những vần thơ bé tấc, hay đầy nhục cảm như nam giới.

Hai là, với “thiên tính nữ” nên họ kín đáo, dịu dàng và đảm thắm hơn nam giới trong việc giải bày những khát vọng của “cái tôi” chính mình và cho cả phái mình. Mà đối với thơ, thiên nhiên là đối tượng thắm mĩ phù hợp nhất, thích hợp nhất để gửi gắm, thể hiện nên các nhà thơ nữ tìm đến với thiên nhiên là điều dễ hiểu.

Thế là các nhà thơ nữ đến với “bức tranh quê” như là một lẽ tự nhiên vậy.

Đó là bức tranh đa màu sắc. Cũng hợp lẽ, các nhà thơ nữ vốn nhạy cảm với màu sắc. Trước hết, ta thấy hình tượng hoa xuất hiện nhiều lần trong thơ họ:

“Hãy là hoa, xin hãy khoan là trái;

Hoa nồng hương mà trái lắm khi chua”

(Thu Hồng - *Sóng thơ*)

“Và búp hoa ngênh dậy đón hương trời”

(Thu Hồng - *Sóng thơ*)

“Hoa mướt rụng từng đóa vàng rải rác

Lũ chuồn chuồn nhớ nắng ngẩn ngơ bay”

(Anh Thơ)

“Cúi cúi cào cỏ ruộng sắp ra hoa”

(Anh Thơ - *Bức tranh quê*)

“Hoa lựu nở đầy một vườn đỏ nắng”

(Anh Thơ - *Bức tranh quê*)

“Tưởng hôn thu thảo trong khuya vắng

Rủ rỉ cùng hoa nói chuyện đời”

(Vân Đài - *Tiếng đêm*)

Ở hình tượng này, có khi chỉ đơn thuần là tả cảnh (*Hoa mướt rụng từng đóa vàng rải rác; Hoa lựu nở đầy một vườn đỏ nắng...*) và có khi mang tính biểu tượng (*Hãy là hoa, xin hãy khoan là trái*) cho

tuổi hoa, tức tuổi thiếu nữ. Ngay Tế Hanh có cả một tập thơ mang tên: *Hoa niên*. Nhưng phần lớn hình tượng hoa là để điểm tô cho không gian thêm sắc, thêm hương.

Tất nhiên, nói đến *Bức tranh quê* là phải nói đến cánh đồng quê. Bởi ở xứ sở này, cánh đồng quê mang hồn quê, tình quê rõ nhất. Các nhà thơ nữ đã vẽ lên cánh đồng quê theo cảm nhận riêng của mình, ở từng phương diện cụ thể. Đó là con đường đê: “Ngoài *đường đê* cỏ non tràn biếc cỏ” (Anh Thơ - *Chiều Xuân*), “Ngoài *đê thẳm*, không người đi vắng vẻ” (Anh Thơ - *Trưa hè*). Đó là “cánh đồng lúa xanh rờn và ướt lặng”, “Vườn đỏ nắng” là “dòng sông”, là những “bến vắng”...

Có một nhận xét chung thế này: Các nhà thơ nữ vẽ nên những bức tranh nhiều hình ảnh, nhiều màu sắc nhưng rất ít âm thanh. Nếu có âm thanh thì cũng chỉ đủ “xôn xao”. Nói như một nét thi pháp thơ cổ: “Lấy động tả tĩnh” nghĩa là âm thanh có xuất hiện cũng chỉ đủ để làm cho *Bức tranh quê* thêm tĩnh mịch mà thôi:

*“Kìa trăng vờ trong hồ khi nước động
Sóng lao xao lấp loáng ánh xa ngời”*

(Thu Hồng - *Tơ lòng với đẹp*)

Âm thanh ở đây là tiếng sóng “lao xao” đủ làm “trăng vờ” trên mặt hồ!

*“Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra”
Làm giật mình một cô nàng yếm thắm”*

Thế đấy, âm thanh chỉ đủ làm thiếu nữ giật mình. Âm thanh ấy thật khê, thật nhẹ: “Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra”.

“Trong thôn vắng, tiếng gà xao xác gáy”

(Anh Thơ - *Trưa hè*)

Thế thì “tiếng gà” chỉ đủ làm “thôn” thêm vắng mà thôi!

“Tiếng mõ, chuông hòa nhịp trống bên đình”

(Anh Thơ - *Rằm tháng bảy*)

Rõ là tiếng mõ, chuông, trống ở đây càng làm không gian thêm tịch mịch hơn.

Nữ sĩ Vân Đài có hẳn một bài thơ tả “tiếng đêm”. Bài thơ này là bài duy nhất của Vân Đài được có mặt trong “Thi nhân Việt Nam”. Bài thơ có năm khổ thì là năm loại âm thanh:

“*Từng giọt tâu tiêu điểm tiếng sương*”
“*Thức giấc tôi thâm lén bước ra*”
“*Tưởng hồn thu thảo trong khuya vắng*”
“*Rên rỉ cùng hoa nói chuyện đời*”
“*Chợt động cành cây tiếng lá rung*”
“*Tiếng gió lùa qua thức mộng chim*”
“*Lại thêm tiếng khánh chùa xa thẳm*”

Đó là những tiếng động rất khê, khê đến mức tưởng như không thể khê hơn.

Chúng tôi rất chú ý tới hình tượng bầu trời trong thơ của các nhà thơ nữ. Trước hết là sự liệt kê:

“*Vạn buổi êm trời, dịu mát hương*”
(Thu Hồng- *Êm đêm*)
“*Mây đi vắng, trời xanh buồn rộng rãi*”
(Anh Thơ)
“*Trời hồng hồng, đáy nước lẳng son mây*”
(Anh Thơ)
“*Trời âm u mây xám bóng sương chiều*”
(Anh Thơ)
“*Mưa bốn phương trời mây nước đẹp*”
(Mộng Tuyết - *Vi anh Thọ Xuân*)
“*Trời xanh xanh một màu*”
(Hằng Phương)
“*Xưa kia em ở bên trời*”
(Hằng Phương)

...

Không hề là ngẫu nhiên, hình tượng “trời” (bầu trời) ở đây là một

nét thi pháp. Tất nhiên không của riêng ai cả, ngày trước đã có người mượn trời để tả một tình cảnh nào đó:

“Thuở trời đất nổi cơn gió bụi

Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên

Xanh kia thăm thăm từng trên...”

(Chinh phụ ngâm khúc)

“Ông xanh kia” không còn là bầu trời xanh nữa mà đã là biểu tượng của không gian vô tận, vô hạn, vô nỗi đối lập với con người “khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên” hữu hạn, nhỏ bé. Trong thơ của các nhà thơ nữ, bầu trời cũng là đối tượng miêu tả: “Vạn buổi êm trời”, “Trời hồng hồng...” nhưng cũng là con người: “Mây đi vắng, trời xanh buồn rộng rãi” là biểu tượng của cái đẹp vĩnh cửu: “Mua bốn phương trời mây nước đẹp”, là sự vô tận của tạo hóa: “Trời xanh xanh một màu”, là một thế giới của sự hỗn nhiên, ngẫu thơ, trình nguyên: “Xưa kia em ở bên trời”.

Nếu có một sự thống kê, phân loại công phu hình tượng này chắc còn cho ta thêm nhiều ý nghĩa thú vị.

Ai cũng nhận thấy trong thơ của các nhà thơ nữ có một bức tranh quê đẹp. Và cũng dễ thống nhất với nhau: đó là bức tranh buồn.

Đây là cảnh “bến dò ngày mưa” trong thơ Anh Thơ:

“Tre rũ rượi ven bờ chen ướt át

Chuốt bơ phờ đầu bến đứng dầm mưa

Và dầm mưa dòng sông trôi dào dạt

Mặc con thuyền cắm lái đậu chơ vơ”

Thật không còn cảnh nào buồn hơn thế !

Có ngày xuân nhưng là ngày xuân lạnh lẽo quá:

“Lả lướt đợi ngày xuân trở lại;

Ngày xuân trở lại hỏi bao ngày!

Năm canh lạnh lẽo kinh sương gió

Ngùi ngậm tàn xuân hoa rụng đây.”

(Mộng Tuyết - Dương liễu tân thanh)

Thậm chí có cảnh còn ghê rợn, ma quái hơn:

*“Ngoài đê rộng bỏ dài nghiêng đổ cháo
Lẽ chúng sinh từng bọn một ăn mày.
Cùng lẳng lẳng như bóng ma buồn nảo,
Dắt nhau tìm nơi cúng để xin may”*

(Anh Thơ - *Rằm tháng bảy*)

Đúng là người và ma lẫn lộn. Người cũng như ma, ma cũng như người!

Lý giải điều này không khó: Thơ Mới rất buồn. Buồn vì các nhà thơ sống trong cảnh nước mất, dân ta nô lệ. Cái buồn ấy đành gửi vào thơ vậy. Xét ở phương diện nội dung, giá trị phổ quát của những cảnh buồn ảo não, thê lương, có lẽ ở điểm này chẳng: tố cáo chế độ phi nhân tính, không quan tâm đến số phận con người, chà đạp lên con người nên đã để có những cảnh con người không còn là con người nữa. Tố cáo trạng thái phi nhân tính để đòi có một trạng thái có nhân tính. Đó là vẻ đẹp của chiều sâu nhân văn ở những bức tranh mà ta thoát nhìn tưởng đó là cảnh ma quái rùng rợn.

Xét ở phương diện hình thức ta thấy các nhà thơ nữ thường tận dụng phép *đặc tả*. Đây vừa là chỗ mạnh, vừa là chỗ yếu của họ. Mạnh ở chỗ nhờ quan sát tinh nên họ đưa vào thơ được nhiều chi tiết của đời sống, nhưng do thiếu một sự chọn lọc nên “bức tranh” chỉ là “bức tranh”. Hoài Thanh đã rất tinh khi nhận định về thơ của Anh Thơ, theo tôi đây cũng là một nhận định chung về thơ của các nhà thơ nữ: “Tranh quê có bức chỉ là bức ảnh...”. Do vậy, đọc thơ của các nhà thơ nữ, ngắm nhìn các “bức tranh quê” của họ ta thấy thiếu một chiều sâu cần thiết, thiếu một độ hàm xúc vốn không thể thiếu ở thơ.

Sự cố gắng rất lớn của các nhà thơ nữ trong văn đàn Văn học xưa và nay đã cho ta thấy rằng: phái đẹp mà ta luôn quan niệm là phái yếu đã chứng tỏ được sức mạnh của mình. Với sức mạnh ấy họ đã mang lại nhiều thành công không chỉ trong lĩnh vực văn học mà còn ở nhiều phương diện và lĩnh vực khác nữa. Ngày nay thực tế đã cho

chúng ta thấy ngày càng có nhiều nhà khoa học, nhiều nhà kinh tế thành đạt là những phụ nữ còn rất trẻ. Họ vừa thành công trong công việc xã hội và vừa thành công trong công việc của một người mẹ, người vợ... một thiên chức bẩm sinh mà tạo hoá đã dành cho họ. Phụ nữ, mà đặc biệt là người phụ nữ Đất Việt, với truyền thống của dân tộc Việt Nam, họ luôn luôn xứng đáng là những con người tuyệt vời nhất trong thời đại ngày nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoài Thanh - Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn học, 2000.
2. Viện văn học, *Nhìn lại văn học thế kỉ XX*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
3. Anh Thơ, *Bức tranh quê*, Nhà xuất bản Đời nay, 1941.
4. Anh Thơ, *Từ bến sông thương*, Nhà xuất bản Văn học, 1998.